

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/DS-PT.

Ngày: 24 - 11 - 2021.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tạm
ứng (tiền mượn)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Hồ Văn Luông

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Hùng Vĩ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng tạm ứng (tiền mượn)”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 96/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A; Địa chỉ: Số 1, đường L, phường C, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh T- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương L - Chức vụ: Cán bộ đền bù - Phòng Tổ chức nhân sự; Địa chỉ: Lầu 1, Cao ốc A, số 2, đường 1, phường E, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trương D; Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn C; Địa chỉ: Số 101, ấp T, thị trấn M, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang (theo giấy ủy quyền lập ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Văn phòng Công chứng A).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo nguyên đơn Công ty A trình bày: Công ty A là đơn vị thi công công trình đường dây 500kV L, vào thời điểm năm 2016, do công trình chưa có phương án bồi thường đất thu hồi móng trụ, vì vậy để được thi công xây dựng các móng trụ, Công ty A đã cho các hộ dân ứng trước số tiền bồi thường đất bị thu hồi khi nào Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang chi trả tiền thì các hộ dân sẽ hoàn trả tiền tạm ứng cho Công ty A. Cụ thể, ngày 15/3/2016 ông Trương D đã nhận tạm ứng của Công ty A số tiền 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng), đã ký vào biên nhận tiền và cam kết sẽ hoàn trả lại tiền tạm ứng cho đơn vị thi công khi nhận tiền bồi thường của Nhà Nước, việc này có xác nhận của UBND xã Nh, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Đến ngày 28/12/2018, ông Trương D được Nhà Nước chi trả tiền bồi thường đất, tuy nhiên ông D không trả lại tiền tạm ứng cho đơn vị thi công như đã cam kết. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trương D trả lại số tiền tạm ứng đã nhận là 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

Theo bị đơn ông Trương D trình bày như sau: Ông không đồng ý với yêu cầu đòi lại tiền của nguyên đơn. Vì số tiền đơn vị thi công chi trả cho ông là tiền để ông tạo điều kiện cho đơn vị thi công tiến hành thi công móng trụ, không phải tiền ông mượn mà là tiền ông đề nghị đơn vị thi công hỗ trợ và họ đồng ý nên ông không đồng ý trả số tiền này. Còn có lúc ông Trương D cho rằng chỉ nhận khoảng 170.000.000^d (Một trăm bảy mươi triệu đồng), nhận tại UBND xã Nhơn nghĩa A, khi đó đơn vị thi công nói đây là toàn bộ tiền bồi thường do ông bị thiệt hại, không nói gì đến tiền tạm ứng, ông cũng không có ra Trung tâm Phát triển quỹ đất nhận tiền lần nào. Sau khi thi công xong công trình, đơn vị thi

công có nhờ ông ký nhiều giấy tờ, ông nghĩ đã xong và đã nhận đủ tiền nên ký còn nội dung thì họ tự ghi.

Tại bản án sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây lắp điện 1 đối với bị đơn ông Trương D.

Buộc ông Trương D trả cho Công ty A số tiền 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương D chậm trả số tiền 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng) nêu trên thì hàng tháng ông Trương D còn phải trả cho Công ty A số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, bị đơn ông Trương D có kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên nhận tạm ứng tiền đền bù đất ký ngày 15/3/2016, khi ký thì nội dung giấy trắng nhưng nguyên đơn đã đánh máy và viết thêm nội dung. Chữ ký trong đơn của Ủy ban nhân dân xã và áp đều xác định ký sau khi các bên lập. Biên nhận tạm ứng tiền ký ngày 15/3/2016 đây là khoản tiền Công ty hỗ trợ để được thi công sớm công trình, đây là khoản tiền nằm ngoài số tiền hỗ trợ bồi thường của Nhà nước. Cho nên, đây không phải là tiền tạm ứng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng; quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, việc đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật, bị đơn thừa nhận có ký tên tại biên nhận tạm ứng tiền ký ngày 15/3/2016 và nhận đủ số tiền 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty A cho rằng, vào ngày 15/3/2016 ông Trương D có nhận tạm ứng của nguyên đơn 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng) và có ký giấy biên nhận về việc tạm ứng tiền đền bù đất thu hồi công trình: Đường dây 500kV Nhiệt điện L, ông Trương D cam kết sau khi nhận tiền bồi thường từ Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang sẽ trả lại cho đơn vị thi công nhưng không thực hiện việc trả tiền theo cam kết, từ đó phát sinh tranh chấp. Căn cứ vào nội dung tranh chấp, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tạm ứng (tiền mượn)”.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trương D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy biên nhận ngày 15/3/2016 về việc tạm ứng tiền đền bù đất thu hồi công trình: Đường dây 500kV Nhiệt điện L đối với số tiền 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng); ông Trương D thừa nhận có ký tên tại Giấy biên nhận ngày 15/3/2016 nhưng không xem lại nội dung. Lời trình bày của ông Trương D không được người đại diện ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận; Bị đơn không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh cho lời trình bày của mình, không có giấy tờ chứng minh sự thỏa thuận đơn vị thi công là tiền hỗ trợ cho bị đơn và không chứng minh được nguyên đơn đã tự đánh máy và ghi thêm nội dung trong giấy biên nhận. Bị đơn thừa nhận có nhận 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng) và ký vào giấy biên nhận ngày 15/3/2016 trong đó có nội dung “Khi Ban Bồi thường GPMB Huyện CTA tổ chức chi trả tiền bồi thường theo Quyết định của UBND Tỉnh Hậu Giang, chủ

hộ sẽ hoàn trả lại cho đơn vị thi công”. Theo công văn số 2426/UBND-TCD, ngày 05/11/2021 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và cũng như lời thừa nhận của bị đơn là ông D đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền với tổng số tiền 172.414.701^d (Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm lẻ một đồng) nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ cam kết trả lại số tiền 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng) theo giấy biên nhận ngày 15/3/2016 về việc tạm ứng tiền đền bù đất thu hồi công trình: Đường dây 500kV Nhiệt điện L, nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng) là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương D và yêu cầu của người đại diện ủy quyền của ông D tại phiên tòa; Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đồng quan điểm với Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 398 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty A đối với bị đơn Trương D.

Buộc ông Trương D trả cho Công ty A số tiền 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương D chậm trả số tiền 45.601.000^d (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn đồng) nêu trên thì hàng tháng ông Trương D còn phải trả cho Công ty A số tiền lãi tương

ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương D phải chịu 2.280.050^d (Hai triệu hai trăm tám mươi ngàn không trăm năm mươi đồng).

Công ty A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.140.000^d (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005664 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương D phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trương D đã nộp theo biên lai số 0007421 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 24 tháng 11 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện CTA;
- Chi cục THADS H. CTA;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

Võ Hoàng Khải